

Bản án số:07/2023/HS-ST

Ngày:07/8/2023.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Hùng và bà Hồ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử hình sự, Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 19/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

- Triệu Sinh T, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1998 tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn T, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1976; Có vợ P, sinh năm 1999 hiện đều làm công nhân cao su và sống tại thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K; Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án: 02 tiền án (Ngày 06/6/2018 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” bị Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai xét xử theo Bản án số 04/2018/HS-ST ngày 24/10/2018, xử phạt 08 (tám) tháng tù. Đến ngày 28 tháng 02 năm 2019 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xoá án tích. Ngày 08/4/2020 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” bị Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai xét xử theo Bản án số 09/2020/HS-ST ngày 09/9/2020, xử phạt 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Ngày 03 tháng 10 năm 2022 chấp hành xong án phạt tù. Đến ngày 23/5/2023 bị can Triệu Sinh T đã chấp hành xong các quyết định của các bản án nêu trên, chưa được xoá án tích).

Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2023 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Triệu Văn L, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vi Thị D, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Lô Văn T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn 2, xã I, huyện I, tỉnh

K. Có mặt.

3. Ông Vi Văn Đ, sinh năm 1979 và bà Đinh Thị C, sinh năm 1979. Cùng trú tại: Thôn 9, xã I, huyện I, tỉnh K (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn 2, xã I, huyện I, tỉnh K (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Lục Văn H, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 ngày 23/5/2023, Triệu Văn L. Sinh ngày: 05/12/1993, trú tại thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 81B1-692.82 đi làm, sau đó để xe tại đường đất ở lô cao su 97, tổ 6, Nông trường 4, Công ty cao su Chư Mom Ray thuộc thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K và đi vào bên trong lô để cạo mủ cao su. Lúc này, Triệu Sinh T. Sinh ngày: 04/11/1998, HKTT: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K đi ngang qua khu vực trên và phát hiện xe mô tô trên không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe trên đem đi bán để lấy tiền tiêu xài. Khi đến gần thấy trên xe đã có sẵn chìa khóa treo trên gác ba ga trước của xe và xung quanh không có ai nên T đã lập tức lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa xe, quay đầu xe, nhanh chóng nổ máy và điều khiển xe chạy theo hướng ra Quốc lộ 14C với ý định khi đi ra ngoài gặp được chỗ nào mua sẽ bán xe để lấy tiền tiêu xài. Sau khi lấy xe, T điều khiển xe đến khu vực thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai. Tại đây, thấy nhà anh Lô Văn T. Sinh ngày: 17/6/1982; HKTT: thôn 2, xã I, huyện I, tỉnh K mở cửa nên T đi vào và nói muốn bán xe nhưng anh Th từ chối và không mua xe. Lúc này, T đã nói dối do cần tiền đưa con đi khám bệnh nên nhờ anh T cầm cố xe trên, T còn hẹn khoảng hơn một tuần sẽ quay lại lấy xe và còn để lại 01 căn cước công dân mang tên mình để làm tin. Do nghe kể thấy hoàn cảnh của T tội nên anh T đã đồng ý cầm cố xe trên cho T với giá 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau khi để lại xe và căn cước công dân thì T cầm tiền bỏ đi và sử dụng hết số tiền trên vào việc ăn uống và tiêu xài cá nhân. Ngày 24/5/2023, anh Lục Văn H. Sinh ngày: 01/12/2000, HKTT: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K là hàng xóm nhà anh L khi thấy xe máy của anh L bị mất trước đó ở nhà anh Lô Văn T nên đã cùng anh L làm đơn trình báo lên Công an xã Ia Toi. Vụ việc sau đó được Công an xã Ia Toi chuyển hồ sơ cho Cơ quan CSĐT-Công an huyện Ia H'Drai thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 29/5/2023, Cơ quan điều tra ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 03/YC-CSĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Ia H'Drai xác định giá trị đối xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 81B1-692.82 tại thời điểm bị chiếm đoạt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản tổ tụng hình sự số 03/2023/KL-HĐĐG ngày 30/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình

sự huyện Ia H'Drai kết luận: Giá trị tài sản đối với xe mô tô trên là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 Cơ quan CSĐT-Công an huyện Ia H'Drai ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Triệu Sinh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan CSĐT-Công an huyện Ia H'Drai bị cáo Triệu Sinh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS- Ia H'Drai ngày 17 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai đã truy tố bị cáo Triệu Sinh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khẳng định bị cáo Triệu Sinh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là phù hợp với lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Triệu Sinh T về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS để xử phạt bị cáo Triệu Sinh T từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/5/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Triệu Văn L chỉ yêu cầu nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì nên không đề cập. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lô Văn T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu giữ:

+ 01 (*một*) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 81B1-692.82, số khung: 1218DY597489, số máy: HC12E5597636, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (*một*) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016874 mang tên Vi Văn Đ. Qua điều tra, xác minh đã xác định được chiếc xe trên là của ông Vi Văn Đ. Vào năm 2018 vợ chồng ông Vi Văn Đ và bà Đinh Thị C đã cho con gái là chị Vi Thị D và con rể anh Triệu Văn L. Đến nay, vợ chồng chị D anh L chưa sang tên đổi chủ theo quy định. Giữa hai bên không xác lập hợp đồng tặng cho, chỉ nói miệng. Tuy nhiên, ngày 05/7/2023 vợ chồng ông Vi Văn Đ và bà Đinh Thị C có đơn xác nhận đã cho chiếc xe nêu trên cho chị D, anh L và không nhận lại; chị D, anh L có toàn quyền quyết định. Ngoài ra, qua xác minh từ năm 2018 đến nay vợ chồng anh L chị D đang quản lý sử dụng chiếc xe trên. Ngày 14 tháng 6 năm 2023 anh L, chị D có đơn yêu cầu nhận lại tài sản. Do vậy, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ia H'Drai đã ra quyết định xử trả lại xe mô tô trên và các giấy tờ có liên quan cho chị Vi Thị D và anh Triệu Văn L là có căn cứ nên không xem xét.

+ 01 (*một*) căn cước công dân, số CCCD: 019098005661 mang tên Triệu Sinh T. Đây là căn cước công dân của bị cáo. Do vậy Cơ quan điều tra hoàn trả lại cho bị cáo T là có căn cứ.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình theo đúng Cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lô Văn T nhất trí với nội dung bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái. Mong Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Ia H'Drai, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện Ia H'Drai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Triệu Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vi Thị D, ông Vi Văn Đ, bà Đinh Thị C, người làm chứng Nguyễn Thị H, Lục Văn H vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 23/05/2023, tại lô cao su 97, tổ 6, Nông trường 4, Công ty cao su Chư Mom Ray thuộc thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác, không có người coi tài sản đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 81B1-692.82 do anh Triệu Văn L đang quản lý, sử dụng. Sau khi lấy được xe, bị cáo điều khiển xe đến khu vực thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai và cầm cố xe trên cho anh Lô Văn T, sinh ngày: 17/6/1982 với giá 1.500.000 đồng và để lại 01 căn cước công dân mang tên mình cho anh T. Số tiền cầm cố xe, bị cáo sử dụng hết vào việc ăn uống và tiêu xài cá nhân. Tại Bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 03/2023/KL-HĐĐG ngày 30/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Ia H'Drai kết luận: Giá trị tài sản đối với xe mô tô trên là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Do đó, tổng hợp hành vi và hậu quả, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Cáo trạng số 06/CT-VKS- Ia H'Drai

ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản lén lút chiếm đoạt tài sản với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vẫn bất chấp, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum kết án 8 (Tám) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" vào năm 2018. Sau đó, lại tiếp tục phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và bị Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai xử phạt 32 (Ba mươi hai) tháng tù vào ngày 09/9/2020, chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, sau khi chấp hành xong hình phạt tù không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, buộc phải cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngày 08/04/2020 bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" bị Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai xét xử theo Bản án số 09/2020/HS-ST ngày 09/9/2020, xử phạt 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Ngày 03 tháng 10 năm 2022 chấp hành xong án phạt tù. Đến ngày 23/5/2023 bị cáo Triệu Sinh Th đã chấp hành xong các quyết định của các bản án nêu trên. Tuy nhiên, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới do lỗi cố ý, được xem là tình tiết "*Tái phạm*". Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, trong vụ án có Lô Văn T đã nhận cầm cố tài sản do Triệu Sinh T trộm cắp với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, T hoàn toàn không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, không có cơ sở xử lý đối với Lô Văn T về hành vi "*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" được quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự. Nên, cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an huyện Ia H'Drai không xử lý hình sự về hành vi này là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo nên không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã xác định và thu giữ vật chứng gồm:

+ 01 (*một*) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 81B1-692.82, số khung: 1218DY597489, số máy: HC12E5597636, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (*một*) giấy chứng nhận đăng ký

xe mô tô, xe máy số 016874 mang tên Vi Văn Đ, vào năm 2018 vợ chồng ông Vi Văn Đ và bà Đinh Thị C đã cho con gái là chị Vi Thị D và con rể anh Triệu Văn L. Qua điều tra, xác minh đã xác định được chiếc xe mô tô nêu trên vợ chồng anh L chị D đang quản lý sử dụng. Ngày 14 tháng 6 năm 2023 anh L, chị D có đơn yêu cầu nhận lại tài sản. Do vậy, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ia H'Drai trả lại xe mô tô trên và các giấy tờ có liên quan cho chị Vi Thị D và anh Triệu Văn L theo Biên bản trả lại tài sản, đồ vật ngày 05/7/2023 là phù hợp nên không xem xét.

+ 01 (một) căn cước công dân số 019098005661 mang tên Triệu Sinh T. Đây là căn cước công dân của bị cáo. Do vậy Cơ quan điều tra đã hoàn trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, tuy nhiên anh T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên cho mình, nên không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Triệu Sinh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Sinh T 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/5/2023.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Triệu Sinh T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/8/2023) bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum;
- Công an huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum (khi bản án có hiệu lực);
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Trọng Nguyên